|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**NỘI QUY CẢNG BIỂN**

**THUỘC ĐỊA PHẬN CÁC TỈNH ĐỒNG THÁP, VĨNH LONG, BẾN TRE**

**VÀ KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG THÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ………/QĐ-CVHHĐT ngày …….. tháng ……. năm 2024*

*của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp trên cơ sở quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (sau đây gọi là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP); Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong linh vực hàng hải; Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục ban hành chính trong lĩnh vực hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp (sau đây gọi là khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp) là vùng nước được công bố theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và các văn bản khác có liên quan.

Thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 1.

3. Vùng đón trả hoa tiêu cho tàu thuyền đến và rời cảng biển khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp được quy định như sau:

a) Tàu thuyền đến, rời cảng, quá cảnh hành trình theo luồng Cửa Tiểu: tại vùng đón, trả hoa tiêu trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định công bố của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Tàu thuyền đến, rời cảng, quá cảnh hành trình theo luồng Cửa Định An: tại vùng đón, trả hoa tiêu trong vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ theo Quyết định công bố của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 6.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nội quy này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động hàng hải tại khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy này cũng được áp dụng đối với cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển.

**Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.**

1. Thông tin về cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại Cảng biển Đồng Tháp, Cảng biển Vĩnh Long, Cảng biển Bến Tre.

a) Trụ sở chính Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp

- Địa chỉ: Số 1549 Quốc lộ 30, phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: +(84) 0277.3891190

- Fax : +(84) 0277.3891189

- E-mail: [cangvuhhdt@gmail.com](mailto:cangvuhhdt@gmail.com)

b) Đại diện Cảng vụ hàng hải tại Sa Đéc trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp

- Tại TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

+ Địa chỉ: tỉnh lộ 848, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

+ Điện thoại :  +(84) 0277.3761641

+ Fax            : +(84) 0277.3763.484.

- Tại TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

+ Địa chỉ: 170/2, đường Phạm Hùng, Phường 9, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long.

+ Điện thoại : +(84) 0270.3827167

+ Fax           : +(84) 0270.3827167

+ Email: [daidiensdvavl@gmail.com](mailto:daidiensdvavl@gmail.com)

c) Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Vĩnh Xương - Thường Phước trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.

- Tại cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

+ Địa chỉ: Ấp 5, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

+ Điện thoại :  +(84) 0296.3535368

+ Fax           : +(84) 0296.3524169

+ Email: [daidienvxtp@gmail.com](mailto:daidienvxtp@gmail.com)

- Tại cửa khẩu quốc tế Thường Phước, huyện hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

+ Địa chỉ: Ấp 1, xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

+ Điện thoại:  +(84) 0277.3598636

+ Fax         : +(84) 0277.3595636

d) Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Bến Tre trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.

- Địa chỉ: số 241, ấp Long Thạnh, xã Giao Long, huyện Châu Thành, Bến Tre.

+ Điện thoại:

+ Fax:

+ Email: [daidienbentre@gmail.com](mailto:daidienbentre@gmail.com)

2. Thông tin về các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển nêu tại Phụ lục 4 kèm theo Nội quy này.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 4. Thông tin liên lạc**

1. Tàu thuyền liên lạc với Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp, các Đại diện của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là Cảng vụ) qua điện thoại, Fax, e-mail hoặc trực tiếp tại các địa chỉ tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

- Kênh trực canh: 16;

- Kênh trực hoa tiêu: 14;

- Kênh làm việc: 12 hoặc các kênh được chỉ định khác.

3. Nếu thấy cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc qua các đài thông tin duyên hải tại khu vực.

4. Thuyền trưởng tàu thuyền nước ngoài và tàu thuyền Việt Nam không bắt buộc phải sử dụng dịch vụ hoa tiêu theo quy định, trước khi đến phao số “0” luồng cửa Tiểu sông Tiền hoặc luồng sông Hậu để vào khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp phải thông báo qua VHF hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ: tên tàu, vị trí, mớn nước thực tế, tốc độ tối đa trên luồng của tàu để được Cảng vụ hướng dẫn thực hiện việc hành hải, nếu thuyền trưởng lần đầu đến cảng hoặc quá 6 tháng không đến cảng thì phải tuân thủ triệt để các chỉ dẫn hành hải của Cảng vụ và chỉ được hành trình vào luồng sau khi có sự chấp thuận của Cảng vụ.

5. Tàu thuyền phải thông báo qua VHF hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ về tên tàu, vị trí, mớn nước thực tế, chiều cao tĩnh không, tốc độ hành trình của tàu. Tên của tàu thuyền hoặc của tổ chức cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau.

6. Tất cả các tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 16. Nghiêm cấm tàu thuyền sử dụng VHF vào mục đích riêng trên các kênh 16, 12 và 14 VHF khi hoạt động trong vùng nước cảng biển.

7. Ngôn ngữ sử dụng khi liên lạc VHF là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

**Mục 2**

**THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI**

**TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển**

1. Tàu thuyền hoạt động tại khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp chấp hành các quy định tại Mục 1 Chương IV, Mục 1 và Mục 2 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện cho phép của luồng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải đã được cơ quan có thẩm quyền công bố. Các trường hợp khác do Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, vào, rời cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp phải chấp hành các yêu cầu chung về thủ tục được quy định tại các Điều 72,73,74,75, 77 và 81 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Tàu thuyền thực hiện thủ tục điện tử theo quy định tại Mục 3 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 5 và khoản 7 của Nghị định số 74/2023/NĐ-CP, Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền**

1. Việc thông báo, xác báo tàu biển đến cảng biển, quá cảnh thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Việc thông báo tàu biển rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Tàu thuyền được miễn thủ tục đến, rời cảng biển theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP phải thông báo cho Cảng vụ bằng văn bản hoặc bằng phương tiện và cách thức liên lạc được quy định tại Điều 4 của Nội quy này.

4. Tàu biển, phương tiện thuỷ nội địa mang cấp SB chỉ hành trình qua vùng nước các khu vực hàng hải, nhưng không dừng lại, chậm nhất 30 phút trước khi đi vào ranh giới vùng nước cảng biển phải thông báo cho Cảng vụ qua VHF hoặc các phương tiện thông tin thích hợp khác về tên tàu, chiều dài, mớn nước, trọng tải toàn phần, hàng nguy hiểm (nếu có) và dự kiến hành trình của tàu trong thời gian đi qua.

**Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển; quá cảnh**

**1. Thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển (hồ sơ điện tử):**

a) Áp dụng đối với tất cả tàu biển hoạt động tuyến nội địa, tàu biển xuất, nhập cảnh vào, rời cảng biển và quá cảnh.

b) Người làm thủ tục thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực hàng hải theo quy định của Nghị định số 58/2017/NĐ- CP trên Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https//vnsw.gov.vn

Việc thực hiện theo hình thức điện tử được quy định tại các Điều 82, 83, 84, 85 và 86 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**2. Thủ tục cho tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đi Campuchia và ngược lại:**

a) Thủ tục đối với tàu thuyền từ Campuchia quá cảnh Việt Nam qua sông Tiền, sông Hậu do Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện theo Điều 92 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

b) Tàu thuyền quá cảnh Việt Nam đi Campuchia qua sông Hậu, sông Tiền, người làm thủ tục chỉ gửi thông báo, xác báo cho Cảng vụ theo điều 87, 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**3. Thủ tục giấy đối với tàu thuyền (Hồ sơ giấy):**

a) Áp dụng đối với tàu biển trong những trường hợp không thể xử lý hồ sơ điện tử trên hệ thống công nghệ thông tin và phương tiện mang cấp VR-SB:

- Việc giải quyết thủ tục tàu thuyền thực hiện theo quy định tại các Điều 89, 90, 94, 95, 96, 97 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

- Thời gian và địa điểm làm thủ tục: 24/24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần (trừ trường hợp làm thủ tục tại tàu theo quy định tại Khoản 3, Điều 77 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP); việc làm thủ tục tàu thuyền thực hiện tại trụ sở chính hoặc văn phòng Đại diện Cảng vụ

b) Đối với phương tiện thủy nội địa: Hoạt động trong vùng nước cảng biển; vào, rời cầu, bến cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 99 và Điều 100 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; địa điểm làm thủ tục có thể tại trụ sở chính, văn phòng Đại diện.

c) Phương tiện thủy nội địa xuất cảnh Việt Nam đi Campuchia: Thực hiện theo quy định tại Điều 79 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

d) Các trường hợp miễn, giảm thủ tục đến, rời cảng biển: Thực hiện theo Điều 74 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

đ) Tàu thuyền nước ngoài đến cảng biển thực hiện hoạt động đặc thù: Thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển**

1. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3. Thủ tục tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

5. Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 9 Điều 113 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

6. Thủ tục tháo bỏ niêm phong kẹp chì tại các van, thiết bị của tàu thuyền mà chất độc hại có thể thoát ra ngoài hoặc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua các van hoặc thiết bị của tàu thuyền: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 118 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

7. Thủ tục chạy thử tàu và neo chờ: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 98 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

8. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải: Trình tự, thời hạn thủ tục theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

9. Thủ tục thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

10. Thủ tục phê duyệt phương án thăm dò, phương án trục vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

11. Thủ tục phê duyệt Phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của phương tiện thủy nội địa: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa.

**Mục 3**

**HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải**

1. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải được thể hiện dưới các hình thức sau:

a) Kế hoạch điều động tàu thuyền;

b) Lệnh điều động;

c) Giấy phép chạy thử tàu;

d) Giấy phép rời cảng;

đ) Giấy phép vào/rời cảng, bến (đối với phương tiện thủy nội địa);

e) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, nếu không thể thực hiện, thuyền trưởng hoặc đại diện có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải và nêu rõ lý do để kịp thời xử lý.

3. Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày được Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp cập nhật tại trang thông tin điện tử: <http://www.cangvuhanghaidongthap.gov.vn>.

**Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải chấp hành đúng quy tắc về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển ban hành theo Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06 tháng 08 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu sự giám sát của Cảng vụ và các yêu cầu sau đây:

1. Khi hành trình từ biển vào cảng hoặc rời cảng ra biển, tàu thuyền phải hành trình theo đúng tuyến luồng qua phao số "0" và đón trả hoa tiêu đúng địa điểm quy định.

2. Khi hành trình cùng chiều tàu thuyền phải đi theo hàng một và luôn giữ khoảng cách an toàn đối với tàu thuyền đi trước, đi sau và các tàu thuyền khác.

3. Khi hành trình trên luồng phải duy trì tốc độ an toàn, tăng cường cảnh giới khi đi qua khu vực cầu Cao Lãnh, phà Sa Đéc, cầu Rạch Miễu, cầu Vàm Cống, cầu Mỹ Thuận và những nơi có mật độ tàu thuyền lớn. Đặc biệt lưu ý khi đi qua các khu vực: luồng hẹp, khu quay trở, đang có hoạt động ngầm dưới nước, thi công công trình, nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt, cứu hộ, xếp dỡ hàng hoá, neo đậu và điều động của tàu thuyền khác.

4. Khi hành trình cắt ngang luồng tàu thuyền phải có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác đang điều động trên luồng.

**Điều 11.** **Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu**

1. Khi cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết rõ lý do và chỉ khi có sự chấp thuận mới được tiến hành điều động tàu đến vị trí neo mới theo chỉ định, trừ trường hợp để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt.

2. Cấm thả neo trong phạm vi vùng quay trở tàu (trừ trường hợp thả neo để quay trở), khu vực bến phà, bến khách ngang sông, các công trình ngầm, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần các báo hiệu hàng hải, báo hiệu đường thuỷ nội địa hay tại các khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp bất khả kháng hay để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt. Trong trường hợp này, không miễn trừ trách nhiệm của thuyền trưởng nếu làm phát sinh thiệt hại về người, tài sản, môi trường do việc thả neo gây ra.

**Điều 12. Cập cầu, cập mạn của tàu thuyền**

Việc cập mạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điểm a Khoản 8 Điều 113; Khoản 1 Điều 115 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

1. Quy định tàu thuyền cập mạn thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 68 của Nghị định 58/2017/NĐ-CP, chi tiết như sau:

a) Các tàu thuyền có tổng dung tích từ 1.000 GT trở lên được cập hàng hai; các loại tàu thuyền khác được cập hàng ba nhưng không được cản trở hoạt động bình thường trong luồng hàng hải và vùng nước trước cầu cảng;

b) Tàu thuyền có kích thước lớn hơn không được cập mạn với loại tàu thuyền có kích thước nhỏ hơn từ phía bên ngoài;

c) Giữa các loại tàu thuyền cập mạn nhau phải buộc dây đúng quy cách và bố trí quả đệm để chống va đập;

d) Chỉ tàu thuyền công vụ, các loại tàu thuyền cấp nước, cấp dầu, cấp thực phẩm, cấp trang thiết bị và vật phẩm dự trữ, tàu đón, trả hoa tiêu, tàu chữa cháy, tàu chuyển tải hành khách từ tàu khách hoặc các tàu thuyền dịch vụ tương tự mới được cập mạn tàu khách.

2. Tàu thuyền không được cập cầu, cập mạn trong các trường hợp khi điều kiện về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường không bảo đảm theo quy định.

**Điều 13. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách**

1. Các phương tiện chở khách ngang sông phải hành trình theo đúng tuyến quy định và trong mọi trường hợp phải nhường đường cho tàu biển hành trình trong luồng.

2. Trước khi khởi hành, các phương tiện chở khách phải hướng dẫn, cung cấp cho hành khách biết thông tin về nội quy đi tàu; vị trí và cách sử dụng các trang thiết bị cứu sinh; lối đi và biện pháp thoát hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải.

3. Hàng năm, phương tiện chở khách phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, huấn luyện thuyền bộ và nhân viên phục vụ làm việc trên tàu kiến thức, kỹ năng về công tác cứu sinh, cứu hỏa, sơ cứu, quản lý đám đông… nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

4. Chậm nhất trước ngày cuối cùng của tháng, chủ phương tiện thủy nội địa hành trình thường xuyên theo tuyến định sẵn như: tàu khách, tàu nhà hàng - du lịch, tàu chở khách du lịch và các phương tiện thủy chở khách khác hoạt động trong khu vực bến phà, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa vận chuyển hành khách phải thông báo cho Cảng vụ biết lịch trình hoạt động tháng tiếp theo của phương tiện thuộc quyền quản lý khai thác của mình; trường hợp có sự thay đổi, phải kịp thời thông báo nội dung điều chỉnh lịch trình đó. Lịch trình gồm các nội dung: tên tàu, loại tàu, chiều dài, thời gian và tuyến hoạt động.

5. Thuyền trưởng của phương tiện quy định tại khoản 4 Điều này có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ biết khi có thay đổi đột xuất về giờ bắt đầu hành trình và các sự cố bất thường khác liên quan đến thực hiện lịch trình của phương tiện.

6. Các đèn trang trí (nếu có) trên phương tiện thủy nội địa quy định tại khoản 4 Điều này phải được thiết kế và sử dụng để không thể nhầm lẫn hoặc làm ảnh hưởng tới tầm chiếu sáng hay khả năng phát hiện từ xa của bất cứ đèn và dấu hiệu hàng hải nào khác được trang bị trên tàu thuyền theo quy định.

7. Tàu nhà hàng du lịch phải gửi danh sách hành khách cho Cảng vụ và thông báo điều động bằng VHF hoặc điện thoại cho trực ban Cảng vụ hàng hải liên quan trước khi hành trình.

8. Chủ phương tiện thủy nội địa dùng vào mục đích thể thao phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

9. Mô tô nước chỉ được phép hoạt động tại các khu vực được cơ quan có thẩm quyền quy định.

**Điều 14. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển**

1. Định kỳ hàng tháng, chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị thực hiện Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, Phương án bảo đảm an toàn giao thông phải báo cáo Cảng vụ tiến độ thi công, công tác giám sát thi công của chủ đầu tư, công tác triển khai phương án được phê duyệt và các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng.

2. Phương tiện vận chuyển sản phẩm nạo vét thực hiện báo cáo hành trình cho Cảng vụ trên kênh VHF 16 hoặc điện thoại cho trực ban Cảng vụ liên quan tại các thời điểm:

a) Bắt đầu và kết thúc tiếp nhận sản phẩm nạo vét tại khu vực thi công.

b) Bắt đầu di chuyển từ vị trí thi công đến bãi đổ hoặc ngược lại.

c) Trong trường hợp phương tiện neo đậu chờ nước hoặc có sự cố.

**Mục 4**

**DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI**

**Điều 15. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

1. Sẵn sàng bố trí hoa tiêu dẫn tàu trong trường hợp cần thiết khi có yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ.

2. Thường xuyên trao đổi thông tin với Cảng vụ trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch điều động tàu hàng ngày.

3. Tổ chức theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dẫn tàu của hoa tiêu theo kế hoạch điều động tàu của Cảng vụ.

**Điều 16. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu**

Hàng ngày tổ chức hoa tiêu hoạt động trong vùng nước cảng biển có trách nhiệm trao đổi thông tin và phối hợp lập kế hoạch dẫn tàu phù hợp, dẫn tàu an toàn trên luồng hàng hải.

Kế hoạch dẫn tàu hàng ngày gồm các nội dung: Tên tàu, quốc tịch, thông số kỹ thuật cơ bản của tàu, vị trí hoa tiêu lên tàu, thời gian hoa tiêu lên tàu, vị trí tàu dự kiến đến, tên hoa tiêu được bố trí dẫn tàu, tàu lai (nếu có) và những nội dung cần thiết khác.

**Điều 17. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu**

Tàu thuyền khi đến gần vị trí đón trả hoa tiêu phải giảm tốc độ, giữ liên lạc và bố trí cầu thang hoa tiêu theo quy định để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Khu vực cầu thang hoa tiêu phải được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí các thiết bị cứu sinh theo quy định.

**Điều 18. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu**

**1. Trách nhiệm dẫn tàu của hoa tiêu:**

a) Hoa tiêu dẫn tàu phải thực hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ quy định tại Điều 104 và 105 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

b) Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ biết những nội dung sau:

- Trong trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, chậm nhất 24 giờ kể từ thời điểm rời tàu, phải báo cáo bằng văn bản về sự việc xảy ra. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên tàu, tên hoa tiêu dẫn tàu, thời gian, vị trí tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra; loại tai nạn, sự cố hàng hải; diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có);

- Những nhận biết của mình về sự thay đổi của luồng, của BHHH, các công trình có thể làm ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển.

**2. Trách nhiệm thông báo tình hình dẫn tàu của hoa tiêu:**

Việc hoa tiêu thông báo tình hình dẫn tàu phải thực hiện theo quy định của pháp luật và các yêu sau đây:

a) Ngay trước khi tiến hành điều động dẫn tàu, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ qua VHF hoặc điện thoại và chỉ tiến hành điều động khi được Cảng vụ chấp thuận.

b) Sau khi tàu neo đậu tại vị trí được chỉ định, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ và chỉ được phép rời tàu sau khi Cảng vụ chấp thuận vị trí neo hiện tại của tàu.

c) Khi dẫn tàu đến vị trí trả hoa tiêu, hoa tiêu có trách nhiệm báo cho Cảng vụ biết việc kết thúc dẫn tàu.

**Điều 19. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu**

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu, thuyền trưởng có trách nhiệm và nghĩa vụ như hoa tiêu. Chậm nhất 02 giờ trước khi điều động tàu đến, rời cảng biển, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ về việc tự dẫn tàu và xuất trình bản chính Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải khi được yêu cầu.

**Điều 20. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng**

Trước khi điều động dẫn tàu vào, rời cầu cảng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai, doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ để có biện pháp xử lý kịp thời.

**Mục 5**

**LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN**

**Điều 21. Sử dụng tàu lai dăt hỗ trợ**

1. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 mét trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; quay trở, di chuyển vị trí trong khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định sau đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 mét đến dưới 95 mét: ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 500 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 95 mét đến dưới 110 mét: ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 500 HP mỗi tàu hoặc 01 tàu lai với công suất tối thiểu 1.000 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 110 mét đến dưới 125 mét: ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 1.500 HP mỗi tàu; tàu lai nhỏ nhất có công suất 500 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 125 mét trở lên: ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2.000 HP mỗi tàu; tàu lai nhỏ nhất có công suất 500 HP;

2. Ngoài quy định tại khoản 1 điều này, căn cứ điều kiện thực tế Giám đốc Cảng vụ quyết định số lượng và công suất tàu lai trong các trường hợp sau đây nhằm bảo đảm an toàn theo quy định:

a) Tàu thuyền chở chất nổ, xăng dầu, khí hóa lỏng, hóa chất độc hại;

b) Tàu khách;

c) Tàu thuyền có chiều dài, tổng trọng tải vượt quá giới hạn cho phép của cầu cảng, bến phao đã được công bố;

d) Các trường hợp cần thiết khác nhằm bảo đảm an toàn.

3. Trong điều kiện hành hải ở trạng thái bình thường, những tàu phải sử dụng từ hai tàu lai trở lên có công suất khác nhau thì Giám đốc Cảng vụ sẽ xem xét miễn giảm hoặc giảm số lượng tàu lai hỗ trợ trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, đề nghị bằng văn bản của thuyền trưởng, khuyến nghị bằng văn bản của hoa tiêu dẫn tàu và các điều kiện thực tế khác.

4. Trong điều kiện hành hải không bình thường, Giám đốc Cảng vụ quy định cụ thể số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền khi điều động rời, cập cầu, bến phao trên cơ sở tham khảo ý kiến của thuyền trưởng và tổ chức hoa tiêu hàng hải liên quan.

5. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80 mét khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, quay trở, di chuyển vị trí nếu cần thiết để đảm bảo an toàn cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

**Điều 22. Miễn, giảm tàu lai dắt hỗ trợ**

Đối với tàu thuyền có thiết bị hỗ trợ điều động, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ xem xét giảm số lượng tàu lai hỗ trợ trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, đề nghị bằng văn bản của thuyền trưởng, khuyến nghị bằng văn bản của hoa tiêu dẫn tàu và các điều kiện thực tế khác.

**Điều 23. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai**

Khi thực hiện việc lai dắt hỗ trợ tàu biển vào, rời cầu cảng, quay trở hoặc di chuyển vị trí neo đậu trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng tàu lai phải thực hiện yêu cầu của thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai, trừ trường hợp chứng minh được việc thực hiện yêu cầu đó sẽ gây nguy hiểm trực tiếp đến thuyền viên hoặc tàu của mình.

Ngoài hoạt động kinh doanh, các tàu lai còn phải thực hiện nghĩa vụ tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai dắt có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất theo quy định.

Hoa tiêu được bố trí dẫn đoàn lai phải có hạng phù hợp với chiều dài đoàn lai bao gồm cả chiều dài dây lai.

Thuyền trưởng đoàn lai khi đến cảng có trách nhiệm khai báo chiều dài dây lai để việc bố trí hoa tiêu với hạng phù hợp.

**Mục 6**

**AN TOÀN HÀNG HẢI**

**Điều 24. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải**

Tàu thuyền khi hoạt động tại khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại về bảo đảm an toàn theo Mục 1, Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền neo đậu, cập cầu, cập mạn trong vùng nước cảng biển phải bảo đảm an toàn theo quy định.

2. Trong thời gian hành trình, điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, tàu thuyền phải sử dụng máy tàu phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến các công trình và tàu thuyền khác.

3. Tàu thuyền phải lưu ý đến chiều cao tĩnh không của các công trình qua sông hoặc vị trí cấm thả neo, rê neo theo Thông báo hàng hải; Không được hành trình phía dưới công trình qua sông nếu tàu có chiều cao tĩnh không vượt quá giới hạn cho phép.

4. Tàu thuyền trong quá trình neo buộc tại các bến phao trong vùng nước cảng phải bảo đảm ít nhất 03 dây buộc tàu tại mỗi đầu mũi và lái tàu và duy trì trực ca để điều chỉnh cho các dây luôn trong tình trạng căng đều.

5. Tàu thuyền điều động trong vùng nước cảng biển để chạy thử, khử độ lệch la bàn hoặc hiệu chỉnh các thiết bị hàng hải phải thông báo cho Cảng vụ biết và chỉ được tiến hành khi được Cảng vụ chấp thuận.

6. Tàu thuyền và doanh nghiệp cảng phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (ISPS Code) và các quy định có liên quan của pháp luật.

**Điều 25. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải**

Ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm trình Cảng vụ hàng hải xem xét, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải trước khi tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển trong các trường hợp sau:

1. Hoạt động diễn tập tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố ô nhiễm dầu tràn, an ninh hàng hải hoặc tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải tại khu vực.

2. Tổ chức lai dắt, cứu hộ tàu biển bị tai nạn, sự cố hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.

**Điều 26. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn**

Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về tìm kiếm cứu nạn theo quy định tại Điều 107 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị như phao EPIRB, HF, VHF... phát tín hiệu cấp cứu giả, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ và các cơ quan chức năng, kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy các tín hiệu cấp cứu giả đã phát.

**Điều 27. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải**

1. Xử lý tai nạn hàng hải:

a) Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng của tàu thuyền có liên quan đến tại nạn hàng hải có trách nhiệm:

- Tìm mọi cách bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và tổ chức ngay việc tìm kiếm cứu nạn theo quy định;

- Thông báo ngay cho Cảng vụ qua VHF trên kênh 16 hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác, đồng thời phải tiến hành ngay các biện pháp phù hợp để giảm tối đa thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ người, tàu bị nạn nếu không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình.

b) Thuyền trưởng tàu thuyền có nghĩa vụ báo cáo cho Cảng vụ theo quy định pháp luật về tai nạn hàng hải.

2. Xử lý sự cố hàng hải:

a) Tàu thuyền bị sự cố có trách nhiệm báo cáo ngay cho Cảng vụ và thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đâm va, cháy nổ.

b) Tàu thuyền bị mắc cạn, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chủ tàu, thuyền trưởng phải thực hiện ngay các quy định dưới đây:

- Bị cạn bên ngoài luồng: Thuyền trưởng, chủ tàu quyết định phương pháp rời cạn và báo cáo Cảng vụ trong vòng 48 giờ kể từ lúc tàu bị cạn;

- Bị cạn trong luồng nhưng chưa làm tắt luồng: Trong vòng 24 giờ, chủ tàu hoặc thuyền trưởng phải lập phương án rời cạn trình Giám đốc Cảng vụ phê duyệt. Trong thời gian chưa rời cạn, phải tăng cường cảnh giới, kiểm tra an toàn, giữ liên lạc với cảng vụ, hoa tiêu. Sau 03 ngày nếu tàu không ra cạn, Giám đốc Cảng vụ sẽ quyết định phương án rời cạn và chủ tàu phải chịu mọi chi phí cho việc cứu cạn;

- Bị cạn gây ách tắt luồng: Trong thời gian một con nước lớn kế tiếp, nếu không rời cạn được, Giám đốc Cảng vụ sẽ quyết định phương án rời cạn và chủ tàu phải chịu mọi chi phí cho việc cứu cạn nhằm giải phóng luồng.

**Điều 28. Phòng, chống cháy, nổ**

Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển theo quy định tại các Điều 113, 114, 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền chở hàng hóa nguy hiểm, trước khi vào xếp, dỡ hàng hóa tại khu chuyển tải phải trình Cảng vụ phương án chuyển tải.

2. Doanh nghiệp cảng, thuyền trưởng tàu thuyền chở hàng hóa nguy hiểm có trách nhiệm thực hiện các phương án được phê duyệt; duy trì trạng thái sẳn sàng của các trang thiết bị có trong phương án.

**Mục 7**

**AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Điều 29. Bảo đảm an ninh hàng hải**

Tất cả tàu thuyền và các doanh nghiệp cảng biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (ISPS Code), Kế hoạch an ninh tàu biển và cảng biển được cấp thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 30. Lao động hàng hải**

Tàu biển và doanh nghiệp vận tải biển thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Công ước Lao động hàng hải năm 2006; Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

**Mục 8**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 31. Bảo vệ môi trường tại cảng biển**

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định tại Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên; Bộ Luật hàng hải Việt Nam; Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Doanh nghiệp cảng biển, bến phao có trách nhiệm gửi Cảng vụ Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ (sau khi gửi các cơ quan có thẩm quyền).

**Điều 32. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền**

Các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 116, 117, 118 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**Điều 33. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền**

Tàu thuyền, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về đổ rác, xả nước thải và nước dằn tàu tại cảng biển theo quy định tại Điều 117 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện chế độ đổ rác, bơm xả nước bẩn và nước dằn tàu như sau:

a) Rác thải sinh hoạt phải được phân loại theo quy định và đựng trong các dụng cụ chứa phù hợp để đơn vị thu gom rác tiến hành thu gom ngay sau khi tàu đến cảng, sau đó thực hiện 02 ngày một lần đối với tàu hàng, 01 ngày một lần đối với tàu khách;

b) Nước bẩn, cặn bẩn, dầu hoặc hợp chất có dầu và các loại chất độc hại khác phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ theo quy định.

**Điều 34. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, đơn vi liên quan khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Mục 2, Chương V của Nghị định số 58/2017/ND - CP các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Mục 9**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI**

**Điều 35. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Các tổ chức cung úng dịch vụ hoa tiêu hàng hải có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 103 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải**

**1. Đối với doanh nghiệp cảng:**

Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 67, Điều 112, Điều 113 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

a) Thông báo điều kiện khai thác cầu cảng, bến cảng.

b) Có Quy trình bảo trì và Kế hoạch bảo trì cầu cảng, bến cảng do mình quản lý, khai thác theo quy định pháp luật.

c) Chậm nhất 16 giờ hàng ngày, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản (qua fax, email, Zalo hoặc gửi trực tiếp) cho Cảng vụ biết kế hoạch điều độ ngày hôm sau theo Phụ lục 5; trường hợp có thay đổi đột xuất phải thông báo kịp thời bằng văn bản (qua fax, email, Zalo hoặc gửi trực tiếp) hoặc bằng điện thoại hay qua VHF để Cảng vụ xử lý.

d) Cung cấp cho Cảng vụ thông báo hàng hải kèm theo bình đồ về độ sâu vùng nước trước cầu cảng sau khi khảo sát định kỳ theo quy định.

đ) Trong thời gian điều động tàu cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cẩu bờ không được vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cẩu phải vươn ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ chấp thuận; đồng thời, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định.

e) Kê khai, công bố, niêm yết giá theo quy định pháp luật.

g) Thực hiện các yêu cầu về kiểm soát tải trọng tại bến cảng doanh nghiệp đang khai thác, quản lý.

h) Doanh nghiệp cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển khi tiếp nhận tàu biển và phương tiện mang cấp VR-SB phải thông báo cho Cảng vụ theo Khoản 3 Điều 73 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**2. Đối với doanh nghiệp khai thác khu chuyển tải:**

a) Căn cứ quyết định công bố khu chuyển tải, hồ sơ thiết kế được duyệt và các quy định pháp luật có liên quan, lập và trình Cảng vụ xem xét, phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình khai thác khu chuyển tải.

b) Thông báo điều kiện khai thác khu chuyển tải đến các tổ chức, đơn vị có liên quan.

c) Ngoài việc thực hiện đúng phương án bảo đảm an toàn khai thác đã được phê duyệt, doanh nghiệp còn phải cung cấp kịp thời cho Cảng vụ thông tin về các phương tiện tham gia chuyển tải, tình hình, thời gian chuyển tải.

**Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển**

Thực hiện theo quy định tại Chương III của Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai đắt tàu biển, các quy dịch khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-GP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Nghị dịnh số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong Lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hảng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền**

Cơ sở đóng mới, phá dỡ, sửa chữa tàu biển phải đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường đối với cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Có nhân lực, quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toan, vệ sinh lao động; Có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 79/2014NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

**Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

Doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp có chức năng tiếp nhận và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng phải tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; bố trí phương tiện đúng tiêu chuẩn trong việc tiếp nhận chất thải từ tàu thuyền.

**Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải**

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều 39, Điều 40 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

**Mục 10  
CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ hàng hải**

Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp thực hiện thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, Cảng vụ Hàng hải An Giang biết tên, quốc tịch, các thông số kỹ thuật chính và các thông tin cần thiết khác của tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long và Bến Tre nhưng phải neo đậu, tránh bão tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vùng nước các cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Long An, Tiền Giang, tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ, vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh An Giang.

**Điều 44. Phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác**

1. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển được quy định tại Điều 114, Điều 120, Điều 121 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan khác trong công tác PCTT-TKCN; phòng chống dịch bệnh, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại tại cảng biển và khu vực quản lý.

2. Định kỳ, Cảng vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước khác tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện Quy chế.

**MỤC 11  
CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC**

**Điều 45. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự**

1. Chủ phương tiện thủy nội địa dùng vào mục đích thể thao phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Hoạt động vui chơi giải trí dưới nước trong vùng nước cảng biển được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; Quyết định số 1015/2022/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

**Điều 46. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh**

1. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

a) Thông báo cho cơ quan Kiểm dịch y tế biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng;

b) Thông báo cho cơ quan Kiểm dịch thực vật, động vật về những hàng hóa nông, lâm sản, thực phẩm, gia súc nhập khẩu phải tiến hành kiểm dịch theo quy định.

2. Việc thực hiện xử lý y tế, cách ly giám sát dịch bệnh, khử trùng được tiến hành theo đúng quy trình và chỉ được thực hiện tại các vị trí do Cảng vụ chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan chuyên môn.

**Phụ lục 1**

**Thông tin chung về cảng biển thuộc quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cảng/Doanh nghiệp/Công trình/Dự án** | **Thông tin liên hệ** | | **Thông số kỹ thuật, Quy mô** |
| 1 | Cảng Tân cảng Cao Lãnh thuộc Công ty CPVT Thủy Tân Cảng | - Số 1551, quốc lộ 30, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  - ĐT: 0673.894134;  - Fax: 0673.891121 | | 1. Cầu chính: Dài: 146m  2. Loại hàng: Tổng hợp  3. Cỡ tàu tiếp nhận: 3.000DWT  4. Quy mô: Công trình cầu cảng bê tông cốt thép liền bờ  5. Mớn nước trước bến:  - Theo Quyết định: 7,0 m  6. Vị trí bến: 10029’30”E; 105034’20” N  7. Tổng diện tích (ha): 2,7 |
| 2 | Cảng Tân cảng Sa Đéc thuộc Công ty CPVT Thủy Tân Cảng | - Khu C, KCN Sa Đéc, P.Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  - ĐT: 0673.762299;  - Fax: 0673.762299 | | 1. Cầu chính: Dài: 90m  2. Loại hàng: Tổng hợp  3. Cỡ tàu tiếp nhận: 5.000DWT  4. Quy mô: Công trình cầu cảng bê tông cốt thép liền bờ  5. Mớn nước trước bến:  - Theo Quyết định: 9,0m  6. Vị trí bến: 10010’15”E; 105045’00”N  7. Tổng diện tích (ha): 6,0 |
| 3 | Bến cảng Kho xăng dầu Đồng Tháp thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp | - Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp  - ĐT: 067.851056 - 067.853090  - Fax: 067.851937  - Email: info@petimex.com.vn | | 1. Cầu chính: Dài: 122m  2. Loại hàng: Xăng, dầu  3. Cỡ tàu tiếp nhận: 5.000DWT  4. Quy mô: Công trình cầu dẫn, trụ va, sàn công nghệ (bê tông cốt thép)  5. Mớn nước trước bến:  - Theo Quyết định: 10,0m  6. Vị trí bến: 10030’29”E; 105033’38”N  7. Tổng diện tích (ha): 2,84 |
| 4 | Bến cảng Vĩnh Long thuộc Công ty Cổ phần cảng Vĩnh Long | - Số 170/2, Phạm Hùng, P.9, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long | | 1. Cầu chính: Dài: 80m  2. Loại hàng: Tổng hợp  3. Cỡ tàu tiếp nhận: 3.000DWT  4. Quy mô: Công trình cầu cảng bê tông cốt thép liền bờ  5. Mớn nước trước bến:  6. Vị trí bến: 10015'38.8"N; 105057'05.4"E |
| 5 | Bến Cảng Tân cảng Giao Long thuộc Công ty Cổ phần Tân cảng Giao Long | - Xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | | 1. Kích thước: Cầu 1: Dài: 24,0m (tính từ mép ngoài 02 trụ va); khoảng cách 02 bích, trụ neo bờ phía thượng lưu và hạ lưu: 64,0m  2. Loại hàng: Tổng hợp  3. Cỡ tàu tiếp nhận: 2.200DWT  4. Quy mô: Cầu cảng có kết cấu dạng bến nhô, gồm sàn công tác và 02 trụ neo va, kết hợp với 02 bích, trụ neo bờ phía thượng lưu và hạn lưu.  5. Mớn nước trước bến:  - Theo TBHH: 4,5 - 4,7m  6. Vị trí bến: 10018'41.8"N; 106025'39.0"E |
| 6 | Khu neo đậu, chuyển tải cảng Giao Long |  | - V1: 10019'3.31"N; 106025'41.02"E, đường kính 350m, Trọng tải tàu ≤ 5.000DWT  - V2: 10019'10.88"N; 106025'28.36"E, đường kính 350m, Trọng tải tàu ≤ 5.000DWT  - V3: 10019'18.45"N; 106025'15.69"E, đường kính 350m, Trọng tải tàu ≤ 5.000DWT | |
| 7 | Khu chuyển tải Hàm Luông |  | - ĐNHL1: 10012'55.27"N; 106021'02.70"E, đường kính 350m, Trọng tải tàu ≤ 5.000DWT  - ĐNHL2: 10012'45.39"N; 1060211.26"E, đường kính 350m, Trọng tải tàu ≤ 5.000DWT  - ĐNHL3: 10012'35.50"N; 106021'19.81"E, đường kính 350m, Trọng tải tàu ≤ 5.000DWT | |
| 8 | Khu neo đậu  Sa Đéc |  | - N1: 10°17'56.1''N; 105°46'12.7''E  - N2: 10°18'21.5''N; 105°45'55.1''E  - N3: 10°18'39.8''N; 105°45'44.7''E | |
| 9 | Khu neo đậu thượng lưu  cầu Mỹ Thuận |  | - MTH1: 10016’51.9” N, 105053’28.8” E; - MTH2: 10017’04.9” N, 105053’12.9” E; - MTH3: 10017’16.7” N, 105052’59.4” E | |
| 10 | Khu neo đậu biên giới Thường Phước - Vĩnh Xương |  | - BG1: 10054’33.9” N, 105011’07.3” E; - BG2: 10054’34.2” N, 105011’28.5” E  - Đường kính 600m | |

**Phụ lục 3**

**Hướng dẫn hoạt động hàng hải và điều kiện hành hải khu vực cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hướng dẫn hoạt động hàng hải** | **Điều kiện hành hải** |
| 1 | Các tàu thuyền vào các cảng và khu neo trên Sông Tiền thuộc tỉnh Bến Tre và tỉnh Đồng Tháp đi theo tuyến luồng hàng hải Sông Tiền có chiều dài 74,km (từ phao “0” đến thượng lưu cảng Mỹ Tho 500,0m) tiếp theo đi theo luồng đường thuỷ nội địa quốc gia (Từ thượng lưu cảng Mỹ Tho 500,0m đến Biên giới Thường Phước – Vĩnh Xương) | Các tàu thuyền hàng hải trên tuyến luồng hàng hải và tuyến luồng Đường thuỷ nội địa căn cứ vào Thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu, hệ thống BHHH, Thông báo luồng Đường thuỷ nội địa để có biện pháp an toàn, tuyết đối tuân thủ theo Quy định về quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tại Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ GTVT |
| 2 | Các tàu thuyền vào Khu chuyển tải Hàm Luông trên sông Hàm Luông thuộc tỉnh Bến Tre đi theo tuyến luồng hàng hải Sông Tiền có chiều dài 74,km (từ phao “0” đến thượng lưu cảng Mỹ Tho 500,0m) tiếp theo đi theo luồng đường thuỷ nội địa quốc gia (Từ thượng lưu cảng Mỹ Tho 500,0m đến ngã ba Sông Tiền – Sông Hàm Luông) rẽ trái vào sông Hàm Luông tiếp tục đi theo luồng đường thuỷ nội địa sông Hàm Luông để vào khu neo |
| 3 | Các tàu thuyền vào cảng Vĩnh Long thuộc tỉnh Vĩnh Long đi theo tuyến luồng hàng hải Sông Tiền có chiều dài 74,km (từ phao “0” đến thượng lưu cảng Mỹ Tho 500,0m) tiếp theo đi theo luồng đường thuỷ nội địa quốc gia (Từ thượng lưu cảng Mỹ Tho 500,0m đến ngã ba Sông Tiền – Sông Cổ Chiên) rẽ trái vào sông Cổ Chiên tiếp tục đi theo luồng đường thuỷ nội địa sông Cổ Chiên để vào Vĩnh Long |

**Phụ lục 4**

**Thông tin về các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ quan** | **Địa chỉ/Điện thoại** |
| 1 | Đồn Biên phòng Cửa Đại, Bến Tre | - Địa chỉ: Xã Thừa Đức, H.Bình Đại, tỉnh Bến Tre.  - ĐT Ông Đoàn Hoàng Anh-Q.Đồn trưởng: 0981.099439 |
| 2 | Chi cục Hải quan Bến Tre | - Địa chỉ: Quốc lộ 60, khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, H.Châu Thành, tỉnh Bến Tre.  - ĐT: 02753.613439 |
| 3 | Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bến Tre (CDC) | - Địa chỉ: Số 230, Nguyễn Văn Tư, P.7, Tp.Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  - ĐT: 02753.822353 |
| 4 | Công an xuất nhập cảnh tỉnh Vĩnh Long | - Địa chỉ: Số 71/22A, Phó Cơ Điều, P.3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  - ĐT: 0693.706420 |
| 5 | Chi cục Hải quan cửa khẩu Vĩnh Long | - Địa chỉ: Số 80, Phó Cơ Điều, P.3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  - ĐT ông Lê Xuân Thắng (Chi cục trưởng): 0901.030475 |
| 6 | Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Vĩnh Long (CDC) | - Địa chỉ: Số 24, Hùng Vương, P.1, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  - ĐT: 02923.841086 |
| 7 | Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng Đồng Tháp | - Địa chỉ: Số 1608, Quốc lộ 30, P.11, Tp.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  - ĐT: 02773.891094 – Phó đồn trưởng: 0984292177 |
| 8 | Chi cục Hải quan cảng Đồng Tháp | - Địa chỉ: Khu công nghiệp C, P.Tân Quy Đông, Tp.Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  - ĐT: Chi cục trưởng (Ô.Đức): 0918.497766 |
| 9 | Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Đồng Tháp (CDC) | - Địa chỉ: Số 394, Lê Đại Hành, P.Mỹ Phú, Tp.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  - ĐT: 02773.852756 – Ông Tùng (GĐ): 0919786695 |
| 10 | Kiểm dịch Thú y vùng 6 | - Địa chỉ: Số 521/1, Hoàng Văn Thụ, P.4, Q. Tân Bình, Tp.HCM  - ĐT: 08.39483041 |
| 11 | Kiểm dịch thực vật vùng 2 | - Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  - Điện thoại: 08.38.251.401 |

**Phụ lục 5**

**Các mẫu biểu liên quan kèm theo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐƠN VỊ KHAI THÁC CẢNG** | | | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | | |
|  |  | | |  | |  | | --- | | *.............., ngày......... tháng ......... năm.........* | | | | | | |
| **KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘ TÀU THUYỀN VÀO, RỜI CẢNG** | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên tàu** | **Số đăng ký** | **Tải trọng (tấn)** | **Loại hàng hóa** | **Số lượng (tấn)** | **Thời gian đến, rời cảng** | | **Cảng rời** | **Cảng đến tiếp theo** | **Ghi chú** |
| **Đến cảng** | **Rời cảng** |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Người lập biểu** | |  |  |  |  | **Phụ trách đơn vị** | | |

**Phụ lục 6**

**VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU VÀ VÙNG KIỂM DỊCH**

**THUỘC VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN ĐỒNG THÁP**

**1. Vùng đón trả hoa tiêu cho tàu thuyền vào, rời các cảng thuộc địa phận tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Đồng Tháp và tàu thuyền quá cảnh Việt Nam sang Campuchia qua sông Tiền như sau:**

1. **Vùng 1:** cho tàu thuyền có chiều dài lớn nhất không quá 135 m và mớn nước không quá 7,5 m (trừ các tàu thuyền quy định tại Vùng 3) đón hoa tiêu, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm A, B, C, D có tọa độ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên điểm** | **Hệ tọa độ VN-2000** | | **Hệ tọa độ WGS-84** | |
| **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** | **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** |
| A | 100 20’46’’ | 1070 03’00’’ | 100 20’43’’ | 1070 03’07’’ |
| B | 100 20’52’’ | 1070 03’22’’ | 100 20’48’’ | 1070 03’29’’ |
| C | 100 20’01’’ | 1070 03’34’’ | 100 19’58’’ | 1070 03’41’’ |
| D | 100 19’56’’ | 1070 03’12’’ | 100 19’52’’ | 1070 03’18’’ |

1. **Vùng 2:** cho tàu thuyền có chiều dài lớn nhất không quá 135 m và mớn nước không quá 7,5 m (trừ tàu thuyền quy định tại Vùng 3) trả hoa tiêu, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm E, G, H, I có tọa độ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên điểm** | **Hệ tọa độ VN-2000** | | **Hệ tọa độ WGS-84** | |
| **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** | **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** |
| E | 100 20’48’’ | 1070 02’43’’ | 100 20’45’’ | 1070 02’50’’ |
| G | 100 20’39’’ | 1070 02’04’’ | 100 20’35’’ | 1070 02’11’’ |
| H | 100 19’11’’ | 1070 02’25’’ | 100 19’08’’ | 1070 02’32’’ |
| I | 100 19’21’’ | 1070 03’04’’ | 100 19’17’’ | 1070 03’11’’ |

1. **Vùng 3:** cho tàu thuyền chở xăng dầu, hàng hóa nguy hiểm, độc hại có tổng dung tích từ 5.000 GT trở lên; tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 135 m hoặc mớn nước trên 7,5 m đón, trả hoa tiêu và tàu thuyền khác có yêu cầu, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm K, L, M, N có tọa độ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên điểm** | **Hệ tọa độ VN-2000** | | **Hệ tọa độ WGS-84** | |
| **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** | **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** |
| K | 100 17’00’’ | 1070 04’00’’ | 100 16’56’’ | 1070 04’06’’ |
| L | 100 17’00’’ | 1070 06’00’’ | 100 16’56’’ | 1070 06’06’’ |
| M | 100 15’28’’ | 1070 06’00’’ | 100 15’25’’ | 1070 06’06’’ |
| N | 100 15’28’’ | 1070 04’00’’ | 100 15’25’’ | 1070 04’06’’ |

**2.Vùng đón trả hoa tiêu cho tàu thuyền vào, rời các cảng thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp và quá cảnh Việt Nam sang Campuchia qua sông Hậu (cửa Định An):** là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm có tọa độ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Hệ tọa độ VN-2000** | | **Hệ tọa độ WGS-84** | |
| **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** | **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** |
| V0 | 09028’48,3’’N | 1060 31’42,1’’E | 090 28’44,6’’N | 1060 31’48,6’’E |

**3. Khu neo chờ tàu phía biển Luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu** *(theo Quyết định số 1116/QĐ-CHHVN ngày 02/8/2017 của cục Hàng hải Việt Nam)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên điểm neo** | **Tọa độ VN-2000 KTT 106030 múi chiếu 30** | | **Tọa độ địa lý KTT 106030 múi chiếu 30** | | **Cỡ tàu neo đậu (DWT)** | **Bán kính (m)** |
| **X(m)** | **Y(m)** | **Vĩ độ N** | **Kinh độ E** |
| **I** | **Khu vực A** | | | | | | |
| 1 | V1 | 1.051.109,31 | 561.855,51 | 09030’19,93” | 106033’19,20” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 2 | V2 | 1.050.839,79 | 562.196,96 | 09030’11,14” | 106033’59,38” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 3 | V3 | 1.050.570,27 | 562.538,40 | 09030’02,35” | 106034’10,56” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 4 | V4 | 1.050.300,75 | 562.879,85 | 09029’53,56” | 106034’21,74” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 5 | V5 | 1.050.582,17 | 561.490,38 | 09030’02,79” | 106033’36’20” | 20.000 | 250 |
| 6 | V6 | 1.050.225,91 | 561.941,71 | 09029’51,17” | 106033’50,98” | 20.000 | 250 |
| 7 | V7 | 1.049.869,65 | 562.393,05 | 09029’39,55’ | 106034’05,76” | 20.000 | 250 |
| **II** | **Khu vực B** | | | | | | |
| 8 | V8 | 1.049.843,70 | 563.394,31 | 09029’38,66” | 106034’38,59” | 20.000 | 250 |
| 9 | V9 | 1.049.504,17 | 563.824,45 | 09029’27,58” | 106034’52,67” | 20.000 | 250 |
| 10 | V10 | 1.049.521,66 | 562.914,61 | 09029’28,20” | 106034’22,84” | 50.000 | 300 |
| 11 | V11 | 1.049.103,44 | 563.444,43 | 09029’14,56” | 106034’40,19” | 50.000 | 300 |
| **III** | **Khu vực C** | | | | | | |
| 12 | V12 | 1.054.343,22 | 564.408,20 | 09032’05,06” | 106035’12,08” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 13 | V13 | 1.054.876,97 | 564.829,52 | 09032’22,41” | 106035’25,92” | 5.000÷10.000 | 210 |
| **IV** | **Khu vực D** | | | | | | |
| 14 | V14 | 1.054.610,55 | 565.167,04 | 09032’13,72” | 106035’36,98” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 15 | V15 | 1.054.350,33 | 565.496,71 | 09032’05,23” | 106035’47,77” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 16 | V16 | 1.054.076,80 | 564.745,72 | 09031’56,37” | 106035’23,13” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 17 | V17 | 1.053.816,57 | 565.075,40 | 09031’47,88” | 106035’33,93” | 5.000÷10.000 | 210 |
| 18 | V18 | 1.054.030,82 | 565.836,92 | 09031’54,81” | 106035’58,91” | 20.000 | 250 |
| 19 | V19 | 1.053.559,86 | 565.465,17 | 09031’39,50” | 106035’46,69” | 20.000 | 250 |
| **V** | **Khu vực E** | | | | | | |
| 20 | V20 | 1.053.140,40 | 565.996,57 | 09031’25,82” | 106036’04,09” | 20.000 | 250 |
| 21 | V21 | 1.052.800,87 | 566.426,71 | 09031’14,74” | 106036’18,18” | 20.000 | 250 |
| 22 | V22 | 1.053.650,80 | 566.237,65 | 09031’42,42” | 106036’12,03” | 50.000 | 300 |
| 23 | V23 | 1.053.263,56 | 566.728,23 | 09031’29,79” | 106036’28,09” | 50.000 | 300 |

**4. Khu neo chờ tàu trên sông Hậu** *(theo Quyết định số 1115/QĐ-CHHVN ngày 02/8/2017 của cục Hàng hải Việt Nam)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên điểm neo** | **Tọa độ VN-2000 KTT 106030 múi chiếu 30** | | **Tọa độ địa lý KTT 106030 múi chiếu 30** | | **Cỡ tàu neo đậu (DWT)** | **Bán kính (m)** |
| **X(m)** | **Y(m)** | **Vĩ độ N** | **Kinh độ E** |
| 1 | 01 | 1.073.371,20 | 517.187,30 | 09042’26,10” | 106009’23,90” | 210 | 10.000 |
| 2 | 02 | 1.072.999,73 | 517.458,60 | 09042’14,00” | 106009’32,80” | 250 | 20.000 DWT Giảm tải |
| 3 | 03 | 1.072.595,96 | 517.753,51 | 09042’00,85” | 106009’42,47” |
| 4 | 04 | 1.072.249,07 | 518.113,60 | 09041’49,56” | 106009’54,28” |